

Số: 63 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp
và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 2112
	Ngày: 13/3/17
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017: quy định trong lĩnh vực tài nguyên nước, cụ thể như sau:

+ Thu phí thẩm định giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;

+ Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước; việc quản lý và sử dụng phí thu được theo quy định của pháp luật;

+ Bãi bỏ các loại lệ phí cấp phép, gia hạn và điều chỉnh các loại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

- Căn cứ Khoản 4, Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 1, Khoản 3, Điều 23 của Luật Phí và lệ phí năm 2015 thì Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, Nghị quyết, Quyết định về thu phí và lệ phí sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Từ những lý do trên cho thấy, để thực hiện việc về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 thì việc ban hành văn bản mới quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh hiện nay là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích: Ban hành văn bản mới quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm thay thế các Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, tại kỳ họp thứ 18 quy định mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt, xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt Nghị quyết số 25) để phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Quan điểm chỉ đạo: Việc thu phí thẩm định cấp phép, gia hạn và điều chỉnh, cấp lại các giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước được cơ quan nhà nước cấp thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015.

III. Quá trình dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Thông tư số 250/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và đăng tải trên Trang tin điện tử của Sở; tổng hợp, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của sở, ban, ngành, địa phương liên quan. Đề nghị xây dựng Nghị quyết nêu trên đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất tại Công văn số 45/HĐND-KTNS ngày 17/02/2017.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 52/BC-STP ngày 27/02/2017 và góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 580/STC-QLGCS ngày 01/3/2017, UBND tỉnh đã tổ chức họp với các sở, ngành mời Thường trực và các Ban HĐND tỉnh tham dự cho ý kiến, góp ý; cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh để xem xét, ban hành.

(Kèm theo văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, thẩm định)

IV. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Mức thu phí:

a) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 600.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

b) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1 \text{ m}^3$ đến dưới $0,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 1.260.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

c) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,5 \text{ m}^3$ đến dưới $1 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 3.080.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

d) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3 đến dưới $2 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới $50.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 5.880.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

e) Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định tại các điểm a, b, c, d nêu trên.

5. Kê khai, nộp phí:

- Định kỳ hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí thu được để lại.

6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

- Cơ quan thu phí thẩm định được trích 80% trên số tiền phí thực thu để hỗ trợ chi cho công tác thẩm định và tổ chức thu phí thẩm định.

- Cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước 20% số tiền phí thẩm định thu được theo quy định.

- Nội dung chi và mức chi số tiền phí để lại: thực hiện theo Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Số tiền phí được để lại trong năm, sau khi trừ quyết toán đúng chế độ, nếu sử dụng không hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

(Đính kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí nêu trên).

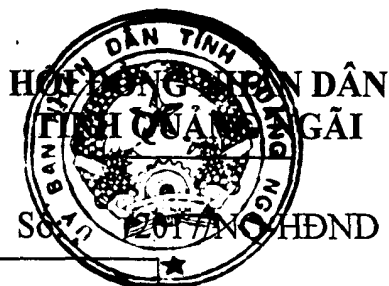
Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thống nhất ban hành Nghị quyết nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường,
Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(lesang69).



Đặng Văn Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết qui định mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Cơ quan thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Mức thu phí:

a) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 600.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

b) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1 \text{ m}^3$ đến dưới $0,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 1.260.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

c) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,5 \text{ m}^3$ đến dưới $1 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3 đến dưới $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 3.080.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

d) Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3 đến dưới $2 \text{ m}^3/\text{giờ}$; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới $50.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$: mức thu 5.880.000 đồng/1 đề án, báo cáo.

e) Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định tại các điểm a, b, c, d nêu trên.

5. Quản lý tiền phí thu được:

- Cơ quan thu phí thẩm định được trích 80% trên số tiền phí thực thu để hỗ trợ chi cho công tác thẩm định và tổ chức thu phí thẩm định. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền thu phí” tại Kho bạc Nhà nước.

- Cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước 20% số tiền phí thẩm định thu được theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm và có hiệu lực từ ngày tháng ... năm; Thay thế Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân

tính Quy định mức thu phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước và công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và Văn phòng HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH